BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Số: 4103 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2026-2027 cho sinh viên hệ chính quy trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-HVYDCT ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, Viện Nghiên cứu thuộc và trực thuộc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Xét hồ sơ và đơn xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2026-2027 cho 355 sinh viên hệ chính quy trình độ đại học, cụ thể như sau:

1. Miễn học phí cho 70 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo)

2. Giảm 70% học phí cho 254 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo)

3. Giảm 50% học phí cho 31 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Đào tạo đại học, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- BGĐ (để b/c);
- Đăng website HV;
- Lưu: VT, QLSV

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: 4103 /QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện YHCT Việt Nam)

TT	TT theo khóa	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, Khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
1	1	245115B153	Phạm Thị Hoa	05/03/2006	B (2026-2032)	Kinh	Xã Giao Ninh - Tỉnh Nam Định	Con đẻ của người HĐKC nhiễm chất độc hóa học 41%	
2	2	2671150107	Trần Vũ Hiệp	30/09/2008	B (2026-2032)	Kinh	Phường Bố Hạ - TP Bắc Ninh	Con thương binh	
3	3	2671150121	Dương Thị Hải Yến	02/04/2008	B (2026-2032)	Kinh	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	Khuyết tật nặng	
4	4	2671150507	Nông Hồng Lệ	22/12/2008	G (2026-2032)	Tày	Xã Hưng Đạo - Tỉnh Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
5	5	2671150564	Hoàng Thế Phúc	04/01/2008	G (2026-2032)	Kinh	Xã Gia Lâm - TP Hà Nội	Con thương binh	
6	6	2671150565	Lý Thị Ngọc Trâm	08/03/2007	G (2026-2032)	Nùng	Xã Khánh Khê - Tỉnh Lạng Sơn	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
7	1	2671010172	Đinh Văn Quyền	25/04/2008	YKB (2026-2032)	Mường	Xã Xuân Đài - Tỉnh Phú Thọ	Con thương binh	
8	2	2671010200	Phạm Trí Đức	07/01/2008	YKB (2026-2032)	Kinh	Phường Minh Xuân, Tuyên Quang	con thương binh	
9	3	2671010265	Hà Thị Khánh Vi	25/02/2008	YKC (2026-2032)	Thái	Xã Tri Lễ - Tỉnh Nghệ An	Dân tộc + Hộ nghèo	
10	4	2671010281	Hồ Thị Sen	04/04/2008	YKC (2026-2032)	Giáy	Xã Bản Xèo - Tỉnh Lào Cai	Dân tộc + Hộ nghèo	
11	1	2672010189	Đinh Thị Hà Linh	19/05/2008	Dược C (2026-2031)	Tày	Phường Thục Phán, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
12	2	2672010318	Lò Thị Oanh	07/03/2007	Dược D (2026-2031)	Thái	Xã Nậm Cuổi - Tỉnh Lai Châu	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
13	3	2672010341	Lai Hồng Nhi	05/03/2007	Dược D (2026-2031)	Nùng	Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội	Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	
14	4	2572010282	Nguyễn Thị Phương Thúy	30/10/2007	Dược D (2026-2031)	Kinh	Phường Cửa Ông, Quảng Ninh	Khuyết tật nặng	
15	1	2571150050	Nguyễn Hữu Đạt	20/11/2007	A (2025-2031)	Kinh	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	Con thương binh	
16	2	2571150024	Nguyễn Thảo Ghi	21/05/2007	A (2025-2031)	Tày	P Hà Giang 1, Tuyên Quang	Dân tộc + Hộ nghèo	
17	3	2571150079	Phạm Đức Luận	03/05/2007	A (2025-2031)	Kinh	Xã Chất Bình, Ninh Bình	Khuyết tật nặng	
18	4	2571150127	Lê Thị Hoài Thương	24/01/2007	B (2025-2031)	Kinh	Xã Minh Sơn, Thanh Hóa	Con thương binh	
19	5	2571150124	Hà Thị Thanh Hằng	13/05/2007	B (2025-2031)	Tày	Xã Hòa An, Tuyên Quang	Dân tộc + Hộ nghèo	
20	6	2571150311	Vàng Minh Khang	07/03/2007	C (2025-2031)	Bố Y	Xã Bạch Đích, Tuyên Quang	Dân tộc rất ít người	
21	7	2571150398	Nguyễn Thị Kim Nhẫn	23/01/2007	D (2025-2031)	Kinh	Xã Phú Thái, TP Hải Phòng	Con thương binh	
22	8	2571150338	Nguyễn Văn Đạt	03/04/2007	D (2025-2031)	Kinh	Định Hóa, Thanh Hóa	Khuyết tật nặng	
23	9	2571150501	Trịnh Thị Oanh	26/05/2007	E (2025-2031	Thái	Xã Linh Sơn, Thanh Hóa	Dân tộc + Hộ nghèo	
24	10	2571150480	Lô Thị Thương	23/04/2007	E (2025-2031)	Thái	Xã Sơn Lâm, Nghệ An	Dân tộc + Hộ nghèo	
25	11	2571150464	Giàng A Quá	12/02/2007	E (2025-2031)	Mông	Xã Sáng nhè, Điện Biên	Dân tộc + Hộ nghèo	

TT	TT theo khóa	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, Khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
26	13	2571150518	Hù Chà Tiên	06/06/2007	E (2025-2031)	Si La	Xã Bum Tở, Tỉnh Lai Châu	Dân tộc rất ít người	
27	1	2571010090	Nguyễn Phương Anh	07/11/2007	YKA (2025-2031)	Kinh	Xã An Khánh, Tp Hà Nội	Con bệnh binh	
28	2	2571010204	Tráng A Củ	20/03/2003	YKB (2025-2031)	Mông	Xã Hạnh Phúc, Lào Cai	Dân tộc + Hộ nghèo	
29	3	2571010138	Lô Trí Công	12/10/2007	YKB (2025-2031)	Thái	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	Dân tộc + Hộ nghèo	
30	4	2571010134	Lương Tuấn Kiệt	14/09/2007	YKB (2025-2031)	Thái	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	Dân tộc + Hộ nghèo	
31	5	2571010124	Vừ Buồn Xài	24/02/2005	YKB (2025-2031)	Mông	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ Anh	Dân tộc + Hộ nghèo	
32	1	2572010018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/02/2007	Dược A (2025-2030)	Kinh	Đông Tiên Hưng, Hưng Yên	Sinh viên khuyết tật nặng	
33	2	2572010035	Mai Thị Thu Thủy	11/01/2007	Dược A (2025-2030)	Kinh	Hoa Lộc, Thanh Hóa	Con TB 81%	
34	3	2572010132	Ninh Thị Ngân	14/12/2007	Dược B (2025-2030)	Kinh	Xã Cổ Lễ, Ninh Bình	Con TB 45%	
35	4	2572010278	Phạm Thùy Dương	17/11/2007	Dược C (2025-2030)	Kinh	Nghĩa Trụ, Hưng Yên	Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	
36	1	245115A111	Đinh Thị Thanh	22/01/2005	A (2024-2030)	Mường	Xã Bắc Yên, Sơn La	Dân tộc + Hộ nghèo	
37	2	245115D365	Trịnh Thị Linh Nhi	29/06/2006	D (2024-2030)	Kinh	Xã Yên Định, Thanh Hóa	Khuyết tật nặng	
38	3	245115E492	Hà Linh Chi	07/04/2006	E (2024-2030)	Thái	Xã Phú Lệ, Tỉnh Thanh Hóa	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
39	4	245115E465	Lộc Ngọc Hoàng	20/01/2006	E (2024-2030)	Tày	Xã Yên Hòa, Tuyên Quang	Dân tộc + Hộ nghèo	
40	1	245101B095	Lang Thị Phương Dung	11/09/2005	YKB (2024-2030)	Thái	Xã Mường Quảng, Nghệ An	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
41	2	245101B093	Hoàng Loan Diễm	24/09/2005	YKB (2024-2030)	Tày	Xã Tân An, Tuyên Quang	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
42	3	245101B145	Lý Thái Khuê	02/08/2006	YKB (2024-2030)	Thổ	Xã Minh Hợp, Nghệ An	Dân tộc + Hộ Nghèo	
43	1	235115A051	Tải Thị Ngọc Ánh	15/09/2004	A (2023-2029)	Pà Thẻn	Xã Tân Trịnh, Tuyên Quang	DTTS rất ít người	
44	2	235115B131	Nguyễn Thị Khánh Huyền	19/02/2005	B (2023-2029)	Kinh	Phường Hà Huy Tập, Hà Tĩnh	Con Thương Binh	
45	3	235115C282	Hoàng Thị Thu Nguyệt	27/11/2005	C (2023-2029)	Tày	Xã Phú Xuân, Đắk Lắk	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
46	1	235101A058	Hoàng Thị Nguyệt	09/10/2005	YKA (2023-2029)	Nùng	Xã Khánh Khê, Lạng Sơn	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
47	2	235101A010	Bùi Thị Mai Hương	05/02/2005	YKA (2023-2029)	Mường	Ngọc Sơn, Phú Thọ	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
48	3	235101B133	Hoàng Tuấn Duy	24/12/2005	YKB (2023-2029)	Tày	Xã Bình Gia, Lạng Sơn	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
49	1	235201A038	Vũ Ngọc Khánh	14/08/2005	Dược A (2023-2028)	Kinh	Đội 4, Hồng Phong, Ninh Bình	Con TB 65%	
50	2	235201A079	Lê Thị Ngọc Anh	24/10/2005	Dược A (2023-2028)	Kinh	Xóm 10, Xuân Hưng, Ninh Bình	Sinh viên khuyết tật	
51	3	235201B188	Lê Hải Dương	05/01/2005	Dược B (2023-2028)	Kinh	Lê Lợi, Chí Linh, Hải Phòng	Con TB 41%	
52	4	235201A094	Phạm Thị Ngoan	21/08/2005	Dược A (2023-2028)	Kinh	Nam Cường, Hưng Yên	Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	
53	1	225115A011	Tao Thị Hiên	10/06/2004	A (2022-2028)	Lự	Xã Khun Há, Lai Châu	Dân tộc + Hộ nghèo	
54	2	225115A056	Ma Thị Thanh Bình	05/07/2004	A (2022-2028)	Tày	Xã Tân Mỹ,Tuyên Quang	Con TB, thương tật 62%	
55	3	225115B154	Lương Quốc Thắng	10/09/2004	B (2022-2028)	Thái	Xã Mường Quàng, Nghệ An	Dân tộc + Hộ nghèo	

TT	TT theo khóa	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, Khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
56	4	225115B178	Nguyễn Yến Oanh	12/07/2004	B (2022-2028)	Tày	Xã Phương Thiện, Hà Giang	Khuyết tật nặng	
57	5	225115C270	Lương Triệu Duy	16/11/2004	C (2022-2028)	Nùng	Xã Hòa An, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ nghèo	
58	6	225115D371	Phạm Thị Bé Thêm	23/07/2004	D (2022-2028)	Kinh	P.Nam Triệu, Hải Phòng	Con thương binh 3/4	
59	7	225115D364	Trần Thị Yến Nhi	18/01/2004	D (2022-2028)	Kinh	P.Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Con thương binh, thương tật 31%	
60	1	225101B097	Ngư Quang Huy	08/08/2003	YKB (2022-2028)	Chăm	Xã Thuận Nam, Khánh Hoà	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
61	1	225201A006	Phạm Huy Hoàng	14/05/2004	Dược A (2022-2027)	Kinh	Giao Thủy, Ninh Bình	Con thương binh	
62	2	225201A010	Hoàng Ngọc Lan	07/07/2004	Dược A (2022-2027)	Tày	Xã Minh Tân, Tuyên Quang	Con người làm nghĩa vụ Quốc tế	
63	3	225201A004	Hà Thị Thúy Dịu	18/03/2004	Dược A (2022-2027)	Mường	Khu Vường 1, Lai Đồng, Phú Thọ	Dân tộc + Hộ cận nghèo	
64	1	215115B136	H En Ni Hra	05/11/2001	B (2021-2027)	Gia-rai	Xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	Dân tộc hộ cận nghèo	
65	2	215115C231	Nguyễn Trịnh Hồng Dương	24/02/2003	C (2021-2027)	Kinh	Nho Quan, Ninh Bình	Con bệnh binh	
66	3	215115D317	Dương Thị Nghĩa	08/05/2003	D (2021-2027)	Kinh	Xã Trí Quả, Bắc Ninh	Khuyết tật nặng	
67	4	215115E433	Phùng Thị Kim Hà	23/03/2003	E (2021-2027)	Mường	Xã Tu Vũ, tỉnh Phú Thọ	Dân tộc hộ cận nghèo	
68	5	215115E481	Lê Hồng Đức	14/06/2003	E (2021-2027)	Kinh	Xã Phù Ninh, Phú Thọ	Con thương binh 72%	
69	1	215101A090	Hoàng Đức Vượng	18/02/2003	YKA (2021-2027)	Kinh	Xã Bắc Đông Quan, Hưng Yên	Con đẻ của người HĐKC nhiễm chất độc hóa học 41%	
70	2	215101C225	Đồng Tuyết Trinh	28/08/2002	YKC (2021-2027)	Nùng	Xã Trùng Khánh, Cao Bằng	Dân tộc + hộ nghèo	

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: 4105 /QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện YHCT Việt Nam)

TT	TT theo khóa	Mã số SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
1	1	2671150038	Nguyễn Anh Tuấn	24/08/2008	A (2026-2032)	Mường	Xã Yên Lập - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
2	2	2671150049	Trần Trí Thành	19/08/2008	A (2026-2032)	Mường	Xã Xuân Đài - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 60)	
3	3	2671150057	Bùi Anh Thư	06/08/2008	A (2026-2032)	Mường	Xã Tân Lạc - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
4	4	2671150078	Đỗ Minh Thư	28/08/2008	A (2026-2032)	Nùng	Xã Đông Khê - Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 60)	
5	5	2671150080	Đàm Mai Phương	19/09/2008	A (2026-2032)	Tày	Xã Quang Trung - Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 60)	
6	6	2671150094	Lự Long Nhật	08/07/2008	A (2026-2032)	Tày	Xã Võ Lao - Tỉnh Lào Cai	Xã KV III (QĐ 60)	
7	7	2671150113	Nguyễn Ngọc Hà	22/05/2008	B (2026-2032)	Tày	Xã Yên Minh - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 803)	
8	8	2671150157	Nguyễn Văn Mạnh	23/10/2008	B (2026-2032)	Sán Dìu	Xã Trường Sơn - TP Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 071)	
9	9	2671150175	Trần Hà Linh	02/05/2008	B (2026-2032)	Mường	Xã Kon Braih - Tỉnh Quảng Ngãi	Xã KV III (QĐ 60)	
10	10	2671150179	Vi Hoàng Dũng	21/08/2008	B (2026-2032)	Thái	Xã Con Cuông - Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 1085)	
11	11	2671150185	Lương Đức Mạnh	24/03/2008	B (2026-2032)	Tày	Xã Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 60)	
12	12	2671150192	Nông Bảo Khanh	21/06/2008	B (2026-2032)	Tày	Xã Kim Đồng - Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 60)	
13	13	2671150211	Đào Duy Mạnh	06/03/2008	C (2026-2032)	Tày	Xã Kiên Đài - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
14	14	2671150225	Trần Thị Minh Hiền	29/09/2008	C (2026-2032)	Tày	Xã Khuôn Lùng - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 60)	
15	15	2671150247	Chu Xuân Hiệp	14/11/2008	C (2026-2032)	Tày	Xã Yên Định - Tỉnh Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 530)	
16	16	2671150256	Bùi Thị Hà Linh	28/04/2008	C (2026-2032)	Mường	Xã Minh Đài - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 60)	
17	17	2671150315	Đặng Thùy Châm	09/06/2008	D (2026-2032)	Mường	Xã Võ Miếu - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
18	18	2671150317	Nông Thị Anh Thư	22/02/2007	D (2026-2032)	Tày	Xã Bằng Lang - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
19	19	2671150320	Bàn Thu Trang	15/05/2008	D (2026-2032)	Dao	Xã Hùng Lợi - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 2103)	
20	20	2671150322	Đặng Như Quỳnh	29/07/2008	D (2026-2032)	Dao	Xã Hùng Lợi - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 2103)	
21	21	2671150344	Lê Đặng Thu Thủy	22/02/2008	D (2026-2032)	Tày	Xã Yên Lập - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
22	22	2671150354	Hà Huy Quang	22/07/2008	D (2026-2032)	Tày	Xã Tủa Chùa - Tỉnh Điện Biên	Xã KV III (QĐ 134)	
23	23	2671150355	Nguyễn Thùy Liên	23/08/2008	D (2026-2032)	Tày	Xã Kiến Thiết - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 2103)	
24	24	2671150370	Lô Tuấn Anh	27/10/2008	D (2026-2032)	Thái	Xã Lượng Minh - Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 60)	
25	25	2671150372	Dương Thị Lan	18/8/2008	D (2026-2032)	Tày	Xã Vũ Lăng - Tỉnh Lạng Sơn	Xã KV III (QĐ191)	
26	26	2671150381	Nông Hà Linh	06/03/2008	D (2026-2032)	Nùng	Xã Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 60)	

TT	TT theo khóa	Mã số SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
58	12	2671010258	Nguyễn Thị Yến Nhi	09/01/2008	YKC (2026-2032)	Tày	Xã Hạnh Phúc - Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 60)	
59	13	2671010267	Nguyễn Tiến Bảo An	11/01/2008	YKC (2026-2032)	Thái	Xã Quế Phong - Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
60	14	2671010271	Trương Huỳnh Đức Anh	30/07/2007	YKC (2026-2032)	Thổ	Xã Minh Hợp - Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 60)	
61	15	2671010280	Hà Mạnh Dũng	12/02/2008	YKC (2026-2032)	Mường	Xã Sơn Lương - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
62	16	2671010290	Lò Hải Ánh	17/11/2008	YKC (2026-2032)	Thái	Xã Lê Lợi - Tỉnh Lai Châu	Xã KV III (QĐ 113)	
63	17	2671010295	Phan Trọng Hữu	01/06/2008	YKC (2026-2032)	Nùng	Xã Đồng Kỳ - TP Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 60)	
64	18	2671010304	Lâm Nguyễn Hà Thương	26/06/2008	YKC (2026-2032)	Tày	Xã Na Rì - Tỉnh Thái Nguyên	Xã KV III (QĐ 60)	
65	19	2671010306	Triệu Thị Nhim	28/07/2008	YKC (2026-2032)	Dao	Xã Pù Nhi - Tỉnh Thanh Hóa	Xã KV III (QĐ 267)	
66	1	2672010061	Nguyễn Hà Linh	09/07/2008	Dược A (2026-2031)	Tày	Xã Sơn Động - Tỉnh Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 071)	
67	2	2672010114	Nguyễn Lê Minh Tiến	18/12/2007	Dược B (2026-2032)	Thái	Bản Cao Vều 1, Xã Anh Sơn, Nghệ An	Thôn ĐBKK (QĐ 50)	
68	3	2672010131	Ma Thị Hà Phương	26/09/2008	Dược B (2026-2031)	Tày	Xã Yên lập - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
69	4	2672010171	Phạm Hà Liên	05/08/2008	Dược C (2026-2031)	Tày	Xã Lâm Thượng - Tỉnh Lào Cai	Xã KV III (QĐ 60)	
70	5	2672010244	Quan Thị Mỹ Linh	25/02/2007	Dược C (2026-2031)	Tày	Xã Tân Mỹ - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 60)	
71	6	2672010264	Bế Ngọc Len	17/06/2008	Dược D (2026-2031)	Tày	Xã Trung Sơn - Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 2103)	
72	7	2672010278	Lường Thị Nhung	27/03/2008	Dược D (2026-2031)	Thái	Xã Mường Ảng - Tỉnh Điện Biên	Xã KV III (QĐ 60)	
73	8	2672010283	Vy Bảo Ngọc	10/12/2008	Dược D (2026-2031)	Thái	Xã Qùy Hợp - Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 3740)	
74	9	2672010287	Bùi Minh Tươi	15/07/2008	Dược D (2026-2031)	Mường	Xã Yên Trị - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
75	10	2672010290	Lộc Thị Phương Thảo	21/02/2008	Dược D (2026-2031)	Thái	Xã Châu Khê - Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 1085)	
76	11	2672010325	Trương Văn Thức	01/01/2006	Dược D (2026-2031)	Mường	Xã Điền Quang - Tỉnh Thanh Hóa	Xã KV III (QĐ 2525)	
77	12	2672010329	Hoàng Khánh Hà	24/02/2008	Dược D (2026-2031)	Giáy	Thôn Cốc Cái, Xã Bản Lầu, Lào Cai	Thôn ĐBKK (QĐ 3453)	
78	13	2672010340	Bùi Thái Khang	25/02/2008	Dược D (2026-2031)	Mường	Xã Kim Bôi - Tỉnh Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 60)	
79	1	2571150010	Vi Đỗ Quyên	14/09/2007	A (2025-2031)	Thái	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
80	2	2571150009	Vi Trần Khánh Linh	26/07/2007	A (2025-2031)	Thái	Xã Như Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	Thôn ĐBKK (QĐ 2525)	
81	3	2571150104	Dương Thị Hồng Thắm	10/08/2007	A (2025-2031)	Nùng	Xã Trường Hà, tỉnh Cao bằng	Xã KV III (QĐ 17)	
82	4	2571150020	Phạm Thị Ngọc Trâm	27/07/2007	A (2025-2031)	Thái	Bản Hoa Tiến,Châu Tiến, Nghệ An	Thôn ĐBKK (QĐ3740)	
83	5	2571150146	Hoàng Thúy Hậu	26/03/2007	B (2025-2031)	Tày	Xã Khuôn Lùng, Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
84	6	2571150161	Hoàng Thị Vân Anh	12/02/2007	B (2025-2031)	nùng	Xã Phúc Khánh, Tỉnh Lào Cai	Xã KV III (QĐ 2752)	
85	7	2571150133	Hoàng Minh Hữu	13/03/2007	B (2025-2031)	Tày	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Thái Nguyên	Xã KV III (QĐ 2749)	
86	8	2571150129	Hoàng Anh Phương	18/02/2007	B (2025-2031)	Nùng	Xã Quảng Uyên, Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 17)	
87	9	2571150240	Nguyễn Minh Nhật	22/11/2007	C (2025-2031)	Thái	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
88	10	2571150214	Hoàng Thanh Trà	10/02/2007	C (2025-2031)	Tày	Xã Hà Quảng, Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 17)	

TT	TT theo khóa	Mã số SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
120	4	245115A064	Ma Duy Thành Đạt	13/11/2006	A (2024-2030)	Tày	Xã Thượng Lâm, Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
121	5	245115A092	Đinh Hữu Đăng	08/02/2006	A (2024-2030)	Mường	Xã Đà Bắc, Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
122	6	245115A103	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	24/12/2005	A (2024-2030)	Tày	Xã Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 17)	
123	7	245115B196	Hoàng Thị Minh Thư	23/01/2006	B (2024-2030)	Tày	Xã Kiên Đài, Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
124	8	245115B176	Lò Thị Quỳnh Anh	18/04/2006	B (2024-2030)	Thái	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
125	9	245115B166	Toàn Ánh Thơ	12/04/2006	B (2024-2030)	Nùng	Xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 530)	
126	10	245115B145	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/08/2006	B (2024-2030)	Tày	Xã lâm bình, Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
127	11	245115B123	Hoàng Phương Hà	27/01/2006	B (2024-2030)	Thái	Xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Xã KV III (QĐ 1752)	
128	12	245115C266	La Thị Ngọc Hân	31/01/2006	C (2024-2030)	Tày	Xã Minh Lương, Lào Cai	Xã KV III (QĐ 2752)	
129	13	245115C276	Nông Khánh Minh	27/11/2006	C (2024-2030)	Tày	Xã Đông Khê, Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 17)	
130	14	245115C278	Tào Thị Ngọc Ngà	03/11/2006	C (2024-2030)	Tày	Xã Bằng Thành, Thái Nguyên	Xã KV III (QĐ 2749)	
131	15	245115C234	Quan Ngọc Anh	01/06/2006	C (2024-2030)	Tày	Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	Xã KV III (QĐ 184)	
132	16	245115D449	Phàn Thị Non	01/07/2006	D (2024-2030)	Dao	Phường Tân Phong, Lai Châu	Xã KV III (QĐ 3234)	
133	17	245115D433	Triệu Kim Chi	14/04/2006	D (2024-2030)	Tày	Xã Bạch Ngọc, Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
134	18	245115D360	Trình Thị Thùy Linh	06/01/2006	D (2024-2030)	Tày	Xã Yên Bình, Thái Nguyên	Xã KV III (QĐ2749)	
135	19	245115D386	Quách Thị Mai Hương	02/05/2006	D (2024-2030)	Mường	Xã Nam Cường, Thái Nguyên	Xã KV III (QĐ 2749)	
136	20	245115D447	Nông Minh Ngọc	26/10/2006	D (2024-2030)	Nùng	Xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 2230)	
137	21	245115E508	Linh Ngọc Phượng	15/10/2006	E (2024-2030)	Tày	Xã Hòa An, Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 2230)	
138	1	245101A021	Trần Thu Trang	26/05/2005	YKA (2024-2030)	Tày	Xã Bằng Thành, Thái Nguyên	Xã KV III (QĐ 2749)	
139	2	245101A022	Lô Thái Triều	02/01/2006	YKA (2024-2030)	Thái	Xã Châu Khê, Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
140	3	245101A086	Vũ Thị Minh Thu	24/09/2005	YKA (2024-2030)	Tày	Xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 2230)	
141	4	245101A082	Đinh Hàn Phương	24/10/2006	YKA (2024-2030)	Mường	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
142	5	245101A078	Nông Thị Khoa	24/10/2005	YKA (2024-2030)	Nùng	Xã Yên Bình, Lạng Sơn	Xã KV III (QĐ 191)	
143	6	245101A053	Chu Thị Huệ	25/01/2006	YKA (2024-2030)	Nùng	Xã Tâm Tiến, Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 530)	
144	7	245101B136	Hà Thị Kim Chi	26/11/2006	YKB (2024-2030)	Thái	Xã Chiềng Mai, Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
145	8	245101B158	Nông Thanh Chuyền	27/02/2006	YKB (2024-2030)	Nùng	Xã Tân Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Xã KV III (QĐ 530)	
146	9	245101B153	Bùi Thị Minh Phương	01/01/2006	YKB (2024-2030)	Mường	Xã Nật Sơn, Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 33)	
147	10	245101B112	Giàng A Vảng	28/02/2005	YKB (2024-2030)	Mông	Xã Sin Suối Hồ, Lai Châu	Xã KV III (QĐ 3234)	
148	11	245101B176	Hà Huyền Trang	10/07/2006	YKB (2024-2030)	Mường	Xã Thượng Long, Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 33)	
149	12	245101C188	Cà Thị Kiều	23/07/2006	YKC (2024-2030)	Thái	Xã Chiềng La, Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
150	13	245101C226	Quan Thị Thùy Dung	10/08/2006	YKC (2024-2030)	Tày	Xã Tân Mỹ, Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	

TT	TT theo khóa	Mã số SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
182	11	235101B126	Hà Quỳnh Trang	14/04/2005	YKB (2023-2029)	Thái	Xã Thuận Châu, Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
183	12	235101B165	Hoàng Hoài Niệm	28/07/2004	YKB (2023-2029)	Nùng	Xã Tổng Cọt, Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 17)	
184	13	235101C180	Lầu Mai Hoa	09/05/2004	YKC (2023-2029)	Mông	Xã Nậm Cắn, Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
185	14	235101C203	Lù Khánh Hưng	05/03/2003	YKC (2023-2029)	Thái	Xã Chiềng Khương, Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
186	15	235101C210	Quàng Thị Quỳnh	22/04/2005	YKC (2023-2029)	Thái	Xã Búng Lao, Điện Biên	Xã KV III (QĐ 46)	
187	16	235101C229	Hà Mỹ Uyên	22/02/2005	YKC (2023-2029)	Mường	Xã Khả Cửu, Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
188	17	235101C255	Hoàng Thu Trang	01/11/2004	YKC (2023-2029)	Nùng	Xã Trùng Khánh, Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 17)	
189	1	235201B177	Bùi Thị Ngọc Thạch	04/08/2005	Dược B (2023-2028)	Mường	Xóm Mõ, Hợp Kim, Phú Thọ	Xã KV III (QĐ 73)	
190	1	225115A052	Hà Quốc Việt	22/12/2003	A (2022-2028)	Tày	Xã Trung Sơn, Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 238)	
191	2	225115A032	Lành Hải Hạnh	16/03/2003	A (2022-2028)	Tày	Xã Khánh Khê Tỉnh Lạng Sơn	Xã KV III (QĐ 238)	
192	3	225115A045	Phạm Thị Như Quân	23/05/2003	A (2022-2028)	Hrê	Xã Ba Vinh, Quảng Ngãi	Xã KV III (QĐ 238)	
193	4	225115B129	Ma Thị Cảnh Tuyền	16/10/2004	B (2022-2028)	Tày	Xã Bình An, Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 238)	
194	5	225115B155	Hà Kiều Trang	09/11/2004	B (2022-2028)	Tày	Xã Trung Hà, Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 238)	
195	6	225115B183	Nông Thị Thủy Tiên	13/11/2004	B (2022-2028)	Tày	Xã Đông Khê, Tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 238)	
196	7	225115B190	Trương Văn Đạt	17/01/2003	B (2022-2028)	Mường	Xã Mường Lát, Tỉnh Thanh Hóa	Xã KV III (QĐ 238)	
197	8	225115C216	Nguyễn Mạc Mai Anh	11/02/2003	C (2022-2028)	Tày	Xã Minh Tâm, Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 238)	
198	9	225115C228	Tẩn Xuân Minh	06/03/2003	C (2022-2028)	Dao	Xã Sìn Hồ, Tỉnh Lai Châu	Xã KV III (QĐ 238)	
199	10	225115A094	Điêu Thị Yến Nhi	08/08/2004	A (2022-2028)	Thái	Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La	Xã KV III (QĐ 238)	
200	11	225115B147	Lý Chung Nam	20/01/2004	B (2022-2028)	Dao	Xã Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu	Xã KV III (QĐ 238)	
201	12	225115C320	Vương Thị Hải Yến	05/06/2004	C (2022-2028)	Tày	Xã Việt Lâm, Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 238)	
202	13	225115A051	Hoàng Huyền Trang	10/06/2003	A (2022-2028)	Thái	Xã Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La	Xã KV III (QĐ 238)	
203	14	225115B198	Lương Thị Thùy Liên	22/04/2003	B (2022-2028)	Nùng	Xã Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk	Xã KV III (QĐ 238)	
204	15	225115C299	Lò Ngọc Hà	20/09/2004	C (2022-2028)	Thái	Xã Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu	Xã KV III (QĐ 238)	
205	16	225115A036	H Tươi Kriêng	20/10/2003	A (2022-2028)	Ê đê	Xã Ea Drông, Tỉnh Đắk Lắk	Xã KV III (QĐ 238)	
206	1	225101A083	Vi Anh Tuấn	14/02/2003	YKA(2022-2028)	Thái	Xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.	Xã KV III (QĐ 267)	
207	2	225101C212	Hoàng Thị Hồng Thắm	02/10/2004	YKC(2022-2028)	Tày	Xã Đình Phong, tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 2230)	
208	3	225101C256	Chương Thị Thùy	22/10/2003	YKC(2022-2028)	Thái	Xã Bình Chuẩn, Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
209	4	225101C240	RCOM H' UYNH	10/06/2003	YKC(2022-2028)	Jarai	Xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Xã KV III (QĐ 3374)	
210	5	225101C249	Cầm Thị Ly	28/05/2004	YKC(2022-2028)	Thái	Xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	
211	6	225101A004	Đặng Kim Chi	22/03/2004	YKA(2022-2028)	Dao	Thôn Nà Ho, Trung Sơn, Tuyên Quang	Thôn ĐBKK(QĐ 50)	
212	7	225101B093	Nay H'BACH	25/05/2003	YKB (2022-2028)	Gia Rai	Xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Xã KV III (QĐ 3374)	

TT	TT theo khóa	Mã số SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp, khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
244	5	195101B158	Lê Phước Sơn	14/11/2000	YKB (2021-2027)	Thổ	Xã Minh Hợp, tỉnh Nghệ An	Xã KV III (QĐ 64)	
245	6	215101B110	Lù Thu Thủy	09/08/2003	YKB (2021-2027)	Nùng	Thôn Cốc Pài, Pà Vầy Sù, Tuyên Quang	Thôn ĐBKK(QĐ 50)	
246	7	215101B131	Bế Thu Quyên	31/10/2002	YKB (2021-2027)	Tày	Xã Đoài Dương, tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 2230)	
247	8	215101B139	Hoàng Thị Ngọc Ánh	14/05/2003	YKB (2021-2027)	Tày	Xã Khuôn Lùng-Tỉnh Tuyên Quang	Xã KV III (QĐ 50)	
248	9	215101B143	Lăng Triệu Đức	24/01/2002	YKB (2021-2027)	Nùng	Xã Ea Wy tỉnh Đăk Lắc	Xã KV III (QĐ 02415)	
249	10	215101C183	Hoàng Thị Thu Bình	03/08/2003	YKC (2021-2027)	Tày	Xã Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Xã KV III (QĐ 2230)	
250	11	215101C192	Thào Seo Kỷ	08/03/2003	YKC (2021-2027)	Mông	Thôn Khe đền 2, Bảo Thắng, Lào Cai	Thôn ĐBKK(QĐ 2752)	
251	12	215101C208	Triệu Thị Dương	29/10/2002	YKC (2021-2027)	Dao	Thôn Ngòi Nung, Bạch Xa, Tuyên Quang	Thôn ĐBKK(QĐ 50)	
252	13	215101C223	Cà Thị Thoa	15/05/2001	YKC (2021-2027)	Thái	Xã Quải Tở, tỉnh Điện Biên	Xã KV III (QĐ 46)	
253	14	215101C242	Bàn Thu Oanh	14/11/2003	YKC (2021-2027)	Dao	Xã Bảo Nhai, tỉnh Lào Cai	Xã KV III (QĐ 2752)	
254	15	215101C259	Lò Văn Khải	01/05/2002	YKC (2021-2027)	Thái	Xã Mường La, tỉnh Sơn La	Xã KV III (QĐ 68)	

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: 1401/QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện YHCT Việt Nam)

TT	TT theo khóa		Họ tên	Ngày sinh	Khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
1	1	2671150135	Nguyễn Lê Hà Vân	26/06/2008	B (2026-2032)	Kinh	Phường Cẩm Phả - TP Quảng Ninh	Bố TNLĐ (31%)	
2	2	2671150191	Phạm Xuân Dũng	29/7/2008	B (2026-2032)	Kinh	Xã Đồng Tâm - TP Đồng Nai	Bố mắc BNN (36%)	
3	3	2671150278	Trần Anh Thư	01/12/2008	C (2026-2032)	Kinh	Phường Cẩm Phả - TP Quảng Ninh	Bố TNLĐ (31%)	
4	4	2671150433	Hoàng Thu Trang	20/04/2008	E (2026-2032)	Kinh	Phường Cẩm Phả - TP Quảng Ninh	Bố mắc BNN (52%)	
5	5	2671150329	Hoàng Thùy Dương	27/11/2008	D (2026-2032)	Kinh	Phường Cửa Ông - TP Quảng Ninh	Bố mắc BNN (38%)	
6	1	2571150084	Nguyễn Khánh Linh	09/01/2007	A (2025-2031)	Kinh	Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai	Bố TNLĐ (31%)	
7	2	2571150006	Nguyễn Ngọc Hoàng Cầm	04/10/2007	A (2025-2031)	Kinh	Xã Thần Khê, Tỉnh Hưng Yên	Bố TNLĐ (91%)	
8	3	2571150158	Võ Nguyễn Đỗ Quyên	12/10/2007	B (2025-2031)	Kinh	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	Bố TNLĐ (35%)	
9	4	2571150180	Bùi Thanh Thảo	12/08/2007	B (2025-2031)	Kinh	Xã Trấn yên, Tỉnh Lào Cai	Mẹ TNLĐ (83%)	
10	5	2571150215	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	20/05/2007	C (2025-2031)	Kinh	Phường Yên Tử, Quảng Ninh	Mẹ TNLĐ (45%)	
11	6	2571150369	Nguyễn Văn Minh Vũ	09/04/2007	D (2025-2031)	KInh	Xã Cẩm Bình, Tỉnh Hà Tĩnh	Bố TNLĐ (31%)	
12	1	245115C274	Trịnh Phan Diệu Linh	15/07/2006	C (2024-2030)	Kinh	Phường Tân Khánh, TP Hồ Chí Minh	Bố TNLĐ(54%)	
13	2	245115E487	Nguyễn Nguyệt Anh	08/03/2005	E (2024-2030)	Kinh	Phường Việt Trì, Phú Thọ	Bố TNLĐ (43%)	
14	1	245101B114	Nguyễn Đăng Tuấn Anh	05/02/2006	YKB (2024-2030)	Kinh	Xã Cẩm Thạch, Thanh Hóa	Bố mắc BNN (52%)	
15	1	235115A002	Phạm Thị Chung Anh	06/05/2005	A (2023-2029)	Kinh	Phường Bình Phước, Đồng Nai	Bố mắc BNN (51%)	
16	1	235201B104	Đậu Thị Quỳnh Anh	18/10/2005	Dược B (2023-2028)	Kinh	Thủy Nguyên, Hải Phòng	Bố TNLĐ 42%	
17	1	225115A041	Nguyễn Thị Vân Ngọc	21/08/2003	A (2022-2028)	Kinh	Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên	Bố TNLĐ (41%)	
18	2	215115A010	Phạm Quang Hòa	26/06/2003	A (2022-2028)	Kinh	P.Đông Triều, Quảng Ninh	Bố mắc BNN (36%)	
19	3	225115B207	Hoàng Nguyễn Thu Quỳnh	24/10/2002	B (2022-2028)	Kinh	P.Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Bố mắc BNN (31%)	
20	4	225115C232	Hoàng Thái Sơn	23/11/2004	C (2022-2028)	Kinh	Đa Mai, Bắc Giang	Mẹ TNLĐ 41%	
21	1	225101B161	Bùi Nam Khánh	22/10/2004	YKB (2022-2028)	Kinh	Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La	Mẹ TNLĐ 31%	
22	1	225201A024	Hồ Thị Hải Tiến	13/08/2004	Dược A (2022-2027)	Kinh	Chiềng Sinh, Sơn La	Bố TNLĐ 53%	
23	2	225201A023	Dương Phan Anh Thư	18/11/2004	Dược A (2022-2027)	Kinh	Quốc Oai, Hà Nội	Bố TNLĐ 59%	
24	3	225201A031	Đinh Thị Mỹ Duyên	03/04/2003	Dược A (2022-2027)	Kinh	Đức Thịnh, Hà Tĩnh	Bố TNLĐ 35%	
25	1	215115A088	Tô Thị Phương Linh	08/02/2002	A (2021-2027)	Kinh	Phường Cam đường,Lào Cai	Có bố bị TNLĐ 46%	

TT	TT theo khóa		Họ tên	Ngày sinh	Khóa	Dân tộc	Nơi thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
26	2	215115D307	Đoàn Minh Đức	14/11/2003	D (2021-2027)	Tày	Xã Mậu A, Tỉnh Lào Cai	Có bố bị TNLĐ 31%	
27	3	215115D326	Đặng Bảo Anh	13/12/2003	D (2021-2027)	Kinh	Xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình	Có bố bị TNLĐ 41%	
28	4	215115E419	Hướng Xuân Quang	29/10/2003	E (2021-2027)	Kinh	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	Bố bị TNLĐ 36%	
29	5	215115E494	Phạm Như Quỳnh	19/01/2003	E (2021-2027)	Kinh	Xã Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Có bố bị TNLĐ 35%	
30	6	215115E480	Nguyễn Quý Dương	01/03/2003	E (2021-2027)	Kinh	Phường Cam đường, Lào Cai	Mẹ bị tai nạn LĐ 30%	
31	7	215101C190	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/01/2003	YKC (2021-2027)	Kinh	Phường Hà Lầm, tỉnh Quảng Ninh	Bố TNLĐ 31%	